

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh quý I, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2024

Kính gửi: Ban Thường vụ Huyện uỷ Thọ Xuân.

Thực hiện Kế hoạch số 83-KH/HU ngày 02/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thọ Xuân về thực hiện khâu đột phá về cải cách hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh huyện Thọ Xuân giai đoạn 2021-2025, UBND huyện Thọ Xuân báo cáo tình hình, kết quả thực hiện quý I, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính

a) Công tác xây dựng và ban hành văn bản triển khai thực hiện:

Trong quý I, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2024¹, Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024²; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2024³; Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính và chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024⁴. Xây dựng Kế hoạch thực hiện khâu đột phá Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Thọ Xuân lần thứ XXVII về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh năm 2024; Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 161/NQ-HĐN D ngày 18/12/2022 của HĐND huyện Thọ Xuân về việc hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ sáu Hội đồng nhân dân huyện khóa XX; Kế hoạch rà soát văn bản QPPL năm 2024⁵; Kế hoạch về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện Thọ Xuân năm 2024⁶; Kế hoạch Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Thọ Xuân năm 2024⁷.

¹ Kế hoạch 268/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Thọ Xuân về thực hiện cải cách hành chính năm 2024;

² Quyết định 320/KH-UBND ngày 12/01/2024 của UBND huyện Thọ Xuân về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024;

³ Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện Thọ Xuân về chuyển đổi số trên địa bàn huyện Thọ Xuân năm 2024;

⁴ Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 11/01/2024 của UBND huyện Thọ Xuân về việc kiểm tra thực hiện cải cách hành chính và việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024 ;

⁵ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 21/02/2024 của UBND huyện Thọ Xuân về việc Rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Thọ Xuân năm 2024;

⁶ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 21/02/2024 của UBND huyện Thọ Xuân về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện Thọ Xuân năm

⁷ Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện Thọ Xuân về việc Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Thọ Xuân năm 2024.

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã ban hành kế hoạch CCHC năm 2024, kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch rà soát văn bản QPPL năm 2024; Kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2024. Kiện toàn, sắp xếp cán bộ, công chức và cơ sở vật chất Bộ phận Một cửa đảm bảo phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các TTHC.

b) Công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

Để triển khai công tác tuyên truyền năm 2024, UBND huyện Thọ Xuân đã ban hành kế hoạch giao các cơ quan, đơn vị căn cứ lĩnh vực quản lý xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện các nội dung tuyên truyền về cải cách hành chính. Đến nay hầu hết UBND các xã, thị trấn đã xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2024.

c) Thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính Chính phủ:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân đã ban hành văn bản triển khai Kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại phiên họp thứ sáu ngày 14/11/2023⁸ và phiên họp thứ bảy ngày 02/02/2024⁹ để các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện tổ chức thực hiện.

d) Thực hiện các mô hình về cải cách hành chính:

Ngoài việc tập trung thực hiện các mô hình đã triển khai như “Chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ”; mô hình “3 không” trong giải quyết TTHC; mô hình “ứng dụng mã QR code trong thực hiện TTHC”, mô hình “ngày không hẹn”, “Ngày không viết”. Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân tiếp tục triển khai thêm 3 mô hình gồm: “Thuyết minh tự động tại các di sản văn hóa, điểm du lịch trên địa bàn huyện; “Khu chợ thông minh, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt”; “Bộ phận Một cửa Hiện đại - Chia sẻ - Hỗ trợ”.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Ba tháng đầu năm, UBND huyện Thọ Xuân đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn huyện các nội dung về phòng, chống tham nhũng. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị phổ biến, triển khai các văn bản pháp luật mới. Tập trung tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật như: Luật nghĩa vụ quân sự, Luật đất đai, Luật xử phạt vi phạm hành chính, Luật Phòng chống ma túy, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật An toàn giao thông.

Thực hiện hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện kỳ 2019 - 2023; tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật trước khi được ban hành. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND

⁸ Công văn số 4072/UBND-NV ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc quán triệt, triển khai kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Phiên họp thứ sáu;

⁹ Công văn số 541/UBND-NV ngày 28/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc quán triệt, triển khai kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Phiên họp thứ bảy.

cấp xã theo dõi thi hành pháp luật đối với những nội dung, lĩnh vực thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý. Tổ chức thẩm định 12 quyết định xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kiểm soát thủ tục hành chính:

Nhìn chung việc kiểm soát TTHC được tổ chức thực hiện theo đúng Kế hoạch 320/KH-UBND ngày 12/01/2024 của UBND huyện Thọ Xuân; đảm bảo các quy định theo Thông tư số Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ. Các TTHC được cập nhật, công khai, niêm yết rõ ràng từ thành phần hồ sơ đến quy trình giải quyết, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tham gia các TTHC. Không tự làm phát sinh quy trình, hồ sơ dưới mọi hình thức. Kết quả giải quyết TTHC được cập nhật trên hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

Ba tháng đầu năm, UBND huyện Thọ Xuân đã tổ chức rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh có thể phân cấp cho UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật về phân cấp, ủy quyền; triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp DVC phục vụ người dân, doanh nghiệp; triển khai cấp chữ ký số miễn phí cho người dân để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch điện tử.

b) Thực hiện thủ tục hành chính

Giải quyết TTHC ngày càng hướng đến sự nhanh chóng, công khai, minh bạch; việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC, đặc biệt là những TTHC liên quan đến lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, liên quan đến doanh nghiệp được các phòng, ngành, UBND cấp xã quan tâm tiếp tục thực hiện tốt. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm phương châm “4 tăng, 2 giảm, 3 không” của UBND tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục duy trì thực hiện cắt giảm trên 30% thời gian giải quyết cho 182 TTHC trên 42 lĩnh vực (cấp huyện). Đối với cấp xã, phần lớn các TTHC đều được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả ngay trong ngày; nhiều TTHC được thực hiện theo nguyên tắc “4 tại chỗ” đã góp phần giảm đáng kể thời gian của tổ chức, công dân.

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận 3 tháng đầu năm 2024: 8.803 hồ sơ, trong đó: Tiếp nhận trực tiếp 4.167 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến mức độ một phần 2.515 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến mức độ toàn trình 2.119 hồ sơ.

- Tổng số hồ sơ giải quyết đúng năm 2023: 8.626 hồ sơ, trong đó: UBND huyện 260 hồ sơ; UBND cấp xã 8.366 hồ sơ.

(Có phụ lục kèm theo).

d) Đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện và UBND các xã, thị trấn:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp được trang bị đầy đủ, hiện đại, đảm bảo nhu cầu làm việc của công chức và phục

vụ người dân, doanh nghiệp gồm: Phòng làm việc, bàn ghế làm việc, ghế chờ của tổ chức, công dân, máy tính kết nối mạng Internet tốc độ cao, phần mềm điện tử một cửa, máy in, máy scan, máy quét mã QR, bảng niêm yết TTHC và các thiết bị cần thiết khác.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Hoàn thiện hồ sơ rà soát đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, báo cáo Sở Nội vụ và cấp có thẩm quyền.

Thực hiện phân bổ biên chế công chức, viên chức, hợp đồng lao động đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 4912/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức; số lượng người làm việc của các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, năm 2024.

Xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Thọ Xuân và Đề án vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức cấp xã.

4. Cải cách chế độ công vụ

Để nâng cao hiệu quả cải cách công vụ, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân đã có văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện cải cách hành chính và chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính theo Kế hoạch năm 2024.

Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024 cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năm 2024, trong đó ưu tiên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nội dung kỷ luật, kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ.

Triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Xây dựng kế hoạch triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Triển khai cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn ký cam kết thực hiện các nội dung về văn hóa công vụ theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Cải cách tài chính công

Giao dự toán, quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Ban hành quy chế quản lý tài sản công và chi tiêu nội bộ Cơ quan UBND huyện Thọ Xuân năm 2024; tổng kết báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

Ban hành kế hoạch vốn đầu tư năm 2024; chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

Thực hiện công bố công khai dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện, xã năm 2024 theo Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Duy trì và thực hiện nghiêm chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ba tháng đầu năm 2024, 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; tỷ lệ văn bản được lãnh đạo ký số đạt 99,69%.

Hoàn thành xây dựng phòng họp không giấy tờ; triển khai phần mềm theo dõi nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị cấp huyện và UBND các xã, thị trấn; tiếp tục hoàn thiện việc cập nhật CSDL về cán bộ, công chức, viên chức tại địa chỉ <https://thanhhoa.vnerp.vn/>.

Tiếp tục công tác triển khai phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, cài đặt các ứng dụng vnEdu Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Hướng dẫn các xã, thị trấn tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho Nhân dân (hiện tại đã có 169220/197342 hồ sơ được tạo lập, đạt tỷ lệ 85,75%).

Thường xuyên đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thu nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử; cấp định danh điện tử để phục vụ các tiện ích. Thu nhận được 436 hồ sơ định danh điện tử mức độ 1, cấp 367 tài khoản mức độ 1, kích hoạt 288 hồ sơ, đạt 78,4%; thu nhận 844 hồ sơ định danh điện tử mức độ 2, cấp 684 tài khoản mức độ 2, kích hoạt 359 hồ sơ, đạt 52,4%.

Quyết định xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2024 đối với các xã, thị trấn trên địa bàn; tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU của Tỉnh ủy về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

7. Xây dựng văn hoá hỗ trợ, đồng hành cùng nhà đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn

Ba tháng đầu năm 2024, toàn huyện huy động được 1.544,4 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển, đạt 23,4% KH; công tác thành lập mới doanh nghiệp tiếp tục được quan tâm thực hiện, đã thành lập được 23 doanh nghiệp, = 100% CK 2023. Thực hiện giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.

Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả nhằm tạo sân chơi bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp. Ba tháng đầu năm đã kiểm tra 07 vụ, xử lý vi phạm hành chính 05 vụ gồm 09 hành vi (Hàng giả 02 hành vi; hàng cấm, hàng nhập lậu 05 hành vi; Gian lận thương mại: 02 hành vi).

Chỉ đạo các đơn vị quản lý, kinh doanh bán lẻ điện trên địa bàn đảm bảo cung ứng điện; các xã, thị trấn, các đơn vị quản lý chợ tăng cường công tác quản

lý hoạt động chợ; các Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đảm bảo lượng xăng, dầu, chất lượng, giá bán để phục vụ nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024. Tổ chức kiểm tra hoạt động, công tác đảm bảo về phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường tại các chợ trên địa bàn huyện.

- Tổ chức đi thăm, chúc tết các doanh nghiệp, HTX nhân dịp đầu xuân Giáp Thìn 2024. Chỉ đạo các phòng, ngành, các xã, thị trấn, Hiệp hội doanh nghiệp năm bắt khó khăn, vướng mắc, kịp thời kiến nghị, đề xuất. Đầu mối với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Thanh Hóa xây dựng kế hoạch các hoạt động xúc tiến đầu tư vào địa bàn huyện Thọ Xuân.

8. Kết quả thực hiện các chỉ số cải cách hành chính

Năm 2023, chỉ số Cải cách hành chính huyện Thọ Xuân đạt 90,17 điểm, tiếp tục nằm trong tốp các địa phương dẫn đầu cả tỉnh và được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xếp loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Kịp thời ban hành đầy đủ các văn bản để triển khai các nội dung về cải cách hành chính gồm cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và xây dựng chính quyền điện tử.

- Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Thọ Xuân tiếp tục được duy trì hoạt động ổn định, tinh gọn, hiệu lực hiệu quả; kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được duy trì; việc phân cấp, uỷ quyền được thực hiện hiệu quả, góp phần phát huy tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị nhà nước.

- Việc giải quyết thủ tục hành chính qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhìn chung đảm bảo quy trình, chất lượng và thời hạn giải quyết; khắc phục tốt tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hẹn cho người dân, doanh nghiệp; công tác kiểm tra cải cách hành chính và chấp hành kỷ luật, kỷ cương được chú trọng thực hiện; Bộ phận Một cửa các cấp được duy trì hoạt động hiệu quả.

- Việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định; quy chế thực hành tiết kiệm chống lãng phí tiếp tục được các cơ quan, đơn vị nhà nước đẩy mạnh thực hiện; tiếp tục thực hiện đảm bảo quy định, hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn;

- Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chuyên đổi số tiếp tục được quan tâm thực hiện; công nghệ thông tin, công nghệ số được ứng dụng mạnh mẽ; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Việc công khai kết quả giải quyết TTHC tại một số xã, thị trấn trên cổng dịch vụ công chưa đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

- Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhìn chung chưa đi vào thực chất, chưa phát huy nhiều tính hiệu quả (nhìn chung người dân, doanh nghiệp chưa tự ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số để thực hiện các TTHC, vẫn phải đến công sở để giao dịch, nhờ công chức hỗ trợ (hoặc làm thay) gây lãng phí thời gian của cả người dân, doanh nghiệp và công chức).

- Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính viễn thông theo Nghị định 45 của Chính phủ còn gặp nhiều khó khăn, 3 tháng đầu năm hầu như không phát sinh giao dịch.

- Số dự án và số vốn đầu tư thu hút vào địa bàn nhìn chung còn hạn chế, nhất là những dự án có quy mô lớn.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2024

1. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ, giải pháp trong thực hiện các nội dung CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đến người dân, doanh nghiệp. Nội dung tuyên truyền cần gắn với những yếu tố thiết thực; phương pháp tuyên truyền sinh động, dễ nhớ, dễ đi vào cuộc sống của người dân.

2. Đổi mới, thực hiện tốt công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức thượng tôn hiến pháp, pháp luật đối với người dân và doanh nghiệp. Đánh giá sơ kết việc triển khai Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” (Đề án 977) và Quyết định số 979/QĐ-TTg, ngày 12/8/2022 phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” (Đề án 979).

3. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và tăng cường xây dựng văn hóa công vụ. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ; xử lý nghiêm các trường hợp có sai phạm, khuyết điểm, nhất là hành vi nhũng nhiễu người dân, doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm quy định điều động, luân chuyển, thay đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức trong lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực.

4. Thực hiện công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công từ cấp huyện đến cơ sở; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí giao đối với các cơ quan, đơn vị nhà nước theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; khắc phục triệt để cơ chế “xin cho” trong quản lý ngân sách nhà nước theo Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 23/7/2021 của Tỉnh ủy. Thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Đẩy mạnh xây dựng dữ liệu chuyên ngành; chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử (xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giải quyết TTHC); thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP). Mở dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước để phát triển kinh tế số, xã hội số. Nâng cao hiệu quả bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin, công nghệ số cho người dân, doanh nghiệp. Tổ

chức ứng dụng có hiệu quả dữ liệu dân cư và xác thực định danh điện tử vào cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

6. Tập trung thực hiện, làm rõ nét kết quả triển khai các mô hình: Mô hình chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ; mô hình “3 không” trong giải quyết TTHC. Triển khai thêm một số mô hình trong CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh như “Thuyết minh tự động tại các di sản văn hóa, điểm du lịch trên địa bàn huyện”; “Khu chợ thông minh, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt” “Bộ phận Một cửa Hiện đại - Chia sẻ - Hỗ trợ”.

7. Tiếp tục cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời các thông tin về quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp, quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án đầu tư kêu gọi và các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của trung ương, tỉnh, huyện và các thông tin có liên quan (trừ thông tin bí mật nhà nước) để các doanh nghiệp nghiên cứu, đầu tư. Xây dựng video giới thiệu và kêu gọi dự án đầu tư vào địa bàn huyện.

8. Tập trung công tác đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư để sớm triển khai các dự án đầu tư hạ tầng trong khu công nghiệp Lam Sơn – Sao Vàng, các cụm công nghiệp và các công trình trọng điểm trên địa bàn; hỗ trợ nhà đầu tư trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực, liên kết đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của doanh nghiệp, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ,... Hỗ trợ, tạo điều kiện, giải quyết nhanh chóng các thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng.

9. Tăng cường hoạt động đối thoại với doanh nghiệp; đa dạng các kênh tiếp nhận ý kiến của doanh nghiệp (qua hội nghị đối thoại định kỳ; qua đường dây nóng,...) để nắm bắt nhanh, chính xác và giải quyết kịp thời, hiệu quả những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện các công việc của nhà đầu tư; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các hành vi vi phạm, thực hiện không đúng cam kết, kiên quyết thu hồi hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền thu hồi những dự án không có khả năng triển khai, cố tình chậm tiến độ, chờ cơ hội chuyển nhượng, gây lãng phí đất đai để giao cho nhà đầu tư có năng lực thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng,...góp phần bình ổn thị trường, làm lành mạnh môi trường kinh doanh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người tiêu dùng./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (đề b/c);
- Các PCT UBND huyện (đề b/c);
- Trưởng các phòng chuyên môn;
- Chủ tịch UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Hải

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 3 năm 2024)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	48	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	15	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	01	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng	Không = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	doanh nghiệp trên địa bàn	Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
Trong đó	<i>Tại cấp huyện</i>			
	<i>Tại cấp xã</i>			
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC/danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý công bố mới	Thủ tục	20	
3.1.2.	Số TTHC thuộc thẩm quyền bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	8	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang áp dụng	Thủ tục		
Trong đó	<i>Số TTHC cấp huyện:</i>	Thủ tục	309	
	<i>Số TTHC cấp xã:</i>	Thủ tục	242	
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1.	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp huyện	Thủ tục	42	
3.2.2.	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp xã	Thủ tục	146	
3.2.3.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	178	
Trong đó	<i>Tại cấp huyện</i>		178	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>Tại cấp xã</i>			
3.2.4.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	151	
Trong đó	<i>Tại cấp huyện</i>		55	
	<i>Tại cấp xã</i>		96	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
Trong đó	<i>Tại cấp huyện</i>		100	
	<i>Tại cấp xã</i>		100	
3.2.6.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
Trong đó	<i>Tại cấp huyện</i>			
	<i>Tại cấp xã</i>			
10.2.7	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ	8.803	
Trong đó	Tiếp nhận trực tiếp		4.167	
	- <i>Cấp huyện</i>			
	- <i>Cấp xã</i>		4.167	
	Tiếp nhận qua BCCI	Số lượng hồ sơ	2	
	- <i>Cấp huyện</i>			
	- <i>Cấp xã</i>		2	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 3	Số lượng hồ sơ	2.515	
	- <i>Cấp huyện</i>		135	
- <i>Cấp xã</i>		2.380		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ	2.119	
	- Cấp huyện		256	
	- Cấp xã		1.863	
3.3.1.	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	260	
Trong đó	<i>Trả trực tiếp</i>			
	<i>Trả qua BCCI</i>			
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 3</i>		100	
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 4</i>		160	
3.3.2.	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	8.366	
Trong đó	<i>Trả trực tiếp</i>		4.159	
	<i>Trả qua BCCI</i>		1	
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 3</i>		2.374	
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 4</i>		1.832	
3.3.3.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ		
Trong đó	<i>Tại cấp huyện</i>			
	<i>Tại cấp xã</i>		41	
3.3.4.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ		
Trong đó	<i>Tại cấp huyện</i>		4	
	<i>Tại cấp xã</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.	Công khai kết quả giải quyết		7.341	
3.4.1.	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết	3.323	
Trong đó	- Cấp huyện			
	- Cấp xã		3.323	
3.4.2.	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	3.645	
Trong đó	- Cấp huyện	260		
	- Cấp xã	10.651	3.645	
3.4.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục	180	
Trong đó	- Cấp huyện		124	
	- Cấp xã		56	
3.5.	Số thư/ trường hợp đã công khai xin lỗi		56	
Trong đó	- Cấp huyện		3	
	- Cấp xã		53	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số phòng, ban chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	11	
4.1.2.	Số ban quản lý/trung tâm trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	04	
4.1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị	100	
Trong đó	Số ĐVSNCL giáo dục đào tạo	Cơ quan, đơn vị	97	
	Số ĐVSNCL khác	Cơ quan, đơn vị	03	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	25,9	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	74	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	66	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	03	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	16,5	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	2.570	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	2.519	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	03	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16,4	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	100	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo UBND được bầu/bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng/ban thuộc huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	Có ban hành KH = 1 Không ban hành KH = 0	1	
5.4.2.	Số lượng, tỷ lệ đơn vị được kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	%	16,7%	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.5.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	01	
5.4.6.	Số lượng công chức bị kỷ luật	Người	05	
Trong đó	- Cấp huyện		0	
	- Cấp xã		05	
5.4.7.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL	Người	07	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	bị kỷ luật.			
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	100	
6.2.	Tổng số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		0	
6.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên		01	
6.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		0	
13.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70%- dưới 100% chi thường xuyên			
13.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30%- dưới 70% chi thường xuyên			
13.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10%- dưới 30% chi thường xuyên			
6.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		99	
6.6.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Từ UBND huyện đến 100% UBND cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.2.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Đơn vị	100%	
7.3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản		
7.3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ đến cấp xã	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.3.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100%	
7.3.3.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn	Văn bản	8.442	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	huyện			
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.4.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử			
7.4.1.	Kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.4.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh	%	100%	
7.5.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.5.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	130	
7.5.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	245	
7.6.	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO			
7.6.1	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND huyện	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	
7.6.2	Số lượng đơn vị cấp xã đã áp dụng	Đơn vị	30	
7.6.3	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	